

Số: /BC-STP

Tuyên Quang, ngày 14 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 232/KH-UBND ngày 24/12/2022 của UBND tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang năm 2023; Văn bản số 753/UBND-NC ngày 10/03/2022 của UBND tỉnh về việc xây dựng kế hoạch Cải cách hành chính hằng năm và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, Sở Tư pháp báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm; phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2023, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về ban hành Kế hoạch và các văn bản triển khai thực hiện

Sở Tư pháp đã đề xuất nội dung xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của tỉnh trong lĩnh vực cải cách thể chế¹; thực hiện tự đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2022 lĩnh vực cải cách thể chế theo quy định²; ban hành 32 văn bản triển khai công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023, trong đó có Kế hoạch công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang năm 2023³; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 của Sở Tư pháp⁴ và 05 Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính để triển khai thực hiện trong năm 2023⁵.

2. Công tác kiểm tra về cải cách hành chính

Sở Tư pháp đã ban hành Kế hoạch tự kiểm tra công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (*ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ-STP ngày 19/01/2023*) và tổ chức triển khai thực hiện. Công tác tự kiểm tra công tác cải cách hành chính đã được Sở Tư pháp duy trì thực hiện thường xuyên, gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, hàng ngày, hàng tháng tự kiểm tra gắn với việc tự kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, của ngành, qua đó đã kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập trong công tác

¹ Văn bản số 1563/STP-VP ngày 20/12/2022

² Văn bản số 1572/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 20/12/2022

³ Kế hoạch số 01/KH-STP ngày 01/01/2023

⁴ Ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-STP ngày 09/01/2023

⁵ Gồm: (1) Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (Ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-STP ngày 19/01/2023); (2) Kế hoạch tự kiểm tra công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (Ban hành kèm theo Quyết định số 20/QĐ-STP ngày 19/01/2023); (3) Kế hoạch tự kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Tư pháp (Ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-STP ngày 16/01/2023); (4) Kế hoạch truyền thông về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-STP ngày 18/01/2023); (5) Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của Sở Tư pháp (Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-STP ngày 19/01/2023).

cải cách hành chính của cơ quan để chấn chỉnh, rút kinh nghiệm hoặc tháo gỡ ngay trong các buổi giao ban 15 phút đầu giờ buổi sáng làm việc hằng ngày và giao ban công tác tư pháp định kỳ.

3. Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính

Ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang năm 2023 (ban hành kèm theo Quyết định số 22/QĐ-STP ngày 19/01/2023). Giám đốc Sở Tư pháp thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và cập nhật các thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước, các văn bản chỉ đạo của trung ương, của tỉnh có liên quan đến công tác cải cách hành chính tới toàn thể công chức, viên chức, người lao động Sở Tư pháp, đồng thời chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở thường xuyên tuyên truyền về công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp nói riêng, của tỉnh nói chung đến quần chúng nhân dân.

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

Triển khai thực hiện, hoàn thành đúng và trước hạn đúng và trước hạn **156/158** nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (trong số 158 nhiệm vụ được giao có 23 nhiệm vụ trên hệ thống chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, 135 nhiệm vụ không có trên hệ thống chỉ đạo điều hành), còn **02** nhiệm vụ đang thực hiện chưa đến thời hạn.

5. Sáng kiến trong thực hiện công tác cải cách hành chính

Trong kỳ báo cáo, đã có **11** lượt sáng kiến, giải pháp được cấp có thẩm quyền công nhận, bao gồm: **05** sáng kiến, giải pháp của Sở Tư pháp liên quan đến công tác cải cách hành chính được Hội đồng Sáng kiến tỉnh Tuyên Quang xét, công nhận sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh⁶ (Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 30/3/2023) và được Giám đốc Sở Tư pháp công nhận; **06** sáng kiến, giải pháp có liên quan đến công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực tư pháp được Giám đốc Sở Tư pháp công nhận⁷ (Quyết định số 219/QĐ-STP và Quyết định số 220/QĐ-STP ngày 15/12/2022).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về cải cách thể chế

⁶ Gồm: (1) Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 phê duyệt Đề án Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2022-2025, (2) Tham mưu ban hành Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ pháp lý và mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, (3) Tham mưu với UBND tỉnh ban hành Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 ban hành Đề án tăng quản lý Nhà nước trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2022-2025, (4) Tham mưu ban hành Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, (5) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động truyền thông về cải cách thể chế trên địa bàn tỉnh thông qua cuộc thi “Tìm hiểu về cải cách thể chế” năm 2022.

⁷ Gồm: (1) Giải pháp củng cố và tăng cường nguồn nhân lực các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên trực thuộc Sở Tư pháp; (2) Giải pháp hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực ngoại vụ; văn hoá, thể thao và du lịch; (3) Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 20/05/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (4) Giải pháp sắp xếp, chỉnh lý hồ sơ lý lịch tư pháp, xây dựng Kho lưu trữ hồ sơ lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp nhằm đáp ứng công tác xác minh, cấp phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (5) Giải pháp tăng cường công tác tuyên truyền về công tác cải cách hành chính, văn hóa công sở, chuyển đổi số cho công chức, viên chức, người lao động Sở Tư pháp; (6) Giải pháp đổi mới các hình thức tiếp cận trợ giúp pháp lý cho một số đối tượng yếu thế.

1.1. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 31/12/2022 về công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2023; dự thảo Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ và Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 18/3/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVII) về thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới⁸; Báo cáo kết quả công tác xây dựng, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang⁹; 03 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh thuộc lĩnh vực tư pháp (02 Nghị quyết; 01 Quyết định); dự thảo Danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết Luật Khám bệnh, chữa bệnh được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ 2¹⁰. Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục 57 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm 2022 (22 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, gồm 09 nghị quyết và 13 quyết định; 35 văn bản hết hiệu lực một phần, gồm 02 nghị quyết và 33 quyết định)¹¹. Ban hành 15 văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Kế hoạch công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp năm 2023¹². Tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cho **90** đại biểu.

- Kiểm tra **45** đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh (đạt 100%), gồm 02 Nghị quyết, 25 Quyết định; thành lập **03** Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; thẩm định **17/17** dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (06 dự thảo nghị quyết và 11 dự thảo quyết định), đạt 100%; tham gia ý kiến 127 dự thảo văn bản.

- Trong 6 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh đã ban hành **21** văn bản quy phạm pháp luật, trong đó: HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 11 văn bản (02 Nghị quyết; 09 Quyết định), UBND cấp huyện ban hành 10 Quyết định.

1.2. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

- Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 30/01/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2023, trong đó đã xác định 03 lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo dõi gồm: (1) tình hình thi hành pháp luật về quản lý, điều hành giá các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu, (2) tình hình thi hành pháp luật về lao động, việc làm, (3) tình hình thi hành pháp luật về xã hội hóa hoạt động công chứng.

⁸ Tờ trình số 57/TTr-STP ngày 06/6/2023

⁹ Báo cáo số 26/BC-UBND ngày 23/02/2023

¹⁰ Tờ trình số 47/TTr-STP ngày 16/5/2023

¹¹ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 30/01/2023

¹² Quyết định số 24/QĐ-STP ngày 30/01/2023

- Ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang năm 2023¹³ và 02 Văn bản hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2023, hướng dẫn lập Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực theo dõi tình hình thi hành pháp luật trọng tâm, liên ngành năm 2023; rà soát, kiến nghị xử lý **93** lượt nội dung vướng mắc, khó khăn, bất cập do các quy định của pháp luật trung ương còn chồng chéo, mâu thuẫn, chưa thống nhất, chưa phù hợp với thực tế ảnh hưởng đến việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị và của cán bộ, công chức và hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp¹⁴.

1.3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở

Trình UBND tỉnh ban hành Văn bản số 2319/UBND-NC ngày 02/6/2023 về tổ chức Hội thi Hòa giải viên giỏi tỉnh Tuyên Quang năm 2023 và tham gia Hội thi Hòa giải viên giỏi toàn quốc lần thứ IV; Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 13/4/2023 Tổ chức Cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực*” và tổ chức thi vòng sơ khảo đợt 1. Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch số 62/KH-STP ngày 12/6/2023 về thực hiện các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023 và 02 văn bản triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; ban hành Kế hoạch và tổ chức Cuộc thi trực tuyến “*Tìm hiểu pháp luật về xử lý vi phạm hành chính*” thu hút **6.917** người tham gia dự thi. Cơ quan tư pháp các cấp trên địa bàn tỉnh đã thực hiện **1.428** buổi tuyên truyền pháp luật, tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở **8.616** buổi; biên soạn, cung cấp **243.634** bộ tài liệu tuyên truyền pháp luật; đăng tải trên Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh Tuyên Quang, Fanpage Phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang, Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị **102.727** tin, bài, ảnh, văn bản, tài liệu tuyên truyền pháp luật. Trong đó, Sở Tư pháp tổ chức 02 Hội nghị triển khai các Luật được thông qua tại kỳ họp thứ 4 và kỳ họp bất thường lần thứ hai, Quốc hội khóa XV cho **200** đại biểu tham dự; tổ chức **08** buổi tuyên truyền pháp luật lưu động và thi tìm hiểu pháp luật cho **448** người dân tại huyện Yên Sơn và huyện Chiêm Hoá; in **168.075** tờ gấp cung cấp cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh; đăng tải, chia sẻ **519** tin, bài, ảnh, văn bản trên Trang thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang, Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp, Fanpage Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang¹⁵, tiếp cận **6.219** người, thu hút **2.206** lượt tương tác, chia sẻ. Phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện **288** buổi phát thanh chuyên mục “***Phổ biến pháp luật***” bằng **05** tiếng: Việt, Tày, Dao và Cao Lan và Mông trong đó có nội dung tuyên truyền về cải cách hành chính.

1.4. Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

- Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục 57 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm

¹³ Quyết định số 36/QĐ-STP ngày 07/02/2023

¹⁴ Văn bản số 669/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 24/5/2023; Văn bản số 754/STP-XDKTTHPL&PBGDPL ngày 07/6/2023

¹⁵ Trang Thông tin điện tử Phổ biến, giáo dục pháp luật: 53 tin, bài ảnh, văn bản; Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp: 114 tin, bài, ảnh, văn bản; Fanpage Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang: chia sẻ 12 thông tin.

2022 (22 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, gồm 09 nghị quyết và 13 quyết định; 35 văn bản hết hiệu lực một phần, gồm 02 nghị quyết và 33 quyết định)¹⁶.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tự kiểm tra **10** văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành liên quan đến triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, trình UBND tỉnh ban hành Báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản liên quan đến việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tự kiểm tra **11** văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành năm 2023 (02 Nghị quyết, 09 Quyết định), kiểm tra theo thẩm quyền **10/10** Quyết định do UBND cấp huyện ban hành được gửi đến để kiểm tra, đạt 100%.

- Rà soát **414** lượt văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành theo 02 chuyên đề¹⁷, qua rà soát kiến nghị công bố hết hiệu lực đối với 02 văn bản (01 Nghị quyết, 01 Quyết định), Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định công bố hết hiệu lực đối với 02/02 văn bản, đạt 100%.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Sở Tư pháp đã thực hiện rà soát **195/195** TTHC thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tư pháp, qua rà soát đã kiến nghị phương án đơn giản hóa đối với 04 TTHC thuộc lĩnh vực hộ tịch, lý lịch tư pháp báo cáo UBND tỉnh¹⁸. Duy trì thực hiện cắt giảm tối thiểu 33,3%, tối đa 83,3% thời gian giải quyết TTHC so với quy định đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên tinh thần phục vụ tốt nhất cho cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu giải quyết TTHC.

2.2. Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước

Hiện nay, có **195** TTHC thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Sở Tư pháp, gồm **122** thủ tục hành chính cấp tỉnh, **33** TTHC cấp huyện, **40** TTHC cấp xã (có 09 TTHC dùng chung giữa 3 cấp, cụ thể: 04 TTHC dùng chung 3 cấp tỉnh, huyện, xã; 02 TTHC dùng chung cấp tỉnh, huyện; 03 TTHC dùng chung cấp huyện, xã).

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

a) Việc thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả

Thực hiện Quyết định 526/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thành lập Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang, Sở Tư pháp đã chuyển việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả đối với 112 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp đến thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Tuyên Quang.

¹⁶ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 30/01/2023

¹⁷ Rà soát 411 văn bản có nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện Nghị định số 59/2022/NĐ-CP ngày 05/09/2022 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử; Rà soát 03 văn bản có nội dung liên quan đến cơ chế, chính sách thu hút giảng viên trình độ cao và khuyến khích sinh viên cho Trường Đại học Tân Trào

¹⁸ Văn bản số 50/STP-VP ngày 14/01/2023

b) Việc bố trí công chức thực hiện tiếp nhận và trả kết quả; trang thiết bị, cơ sở vật chất cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Sở Tư pháp trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh sách **03** công chức có trình độ chuyên môn luật thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*01 chính thức, 02 dự phòng*); việc bố trí, đảm bảo trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh do Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo.

c) Sự phối hợp giữa các ngành, đơn vị có liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông

Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết các TTHC theo cơ chế một cửa liên thông được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục quy định, quy trình nội bộ, quy trình điện tử, đảm bảo hồ sơ được giải quyết đúng thời hạn theo quy định. Tính đến thời điểm hiện tại, có **28** thủ tục hành chính liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, trong kỳ báo cáo, đã tiếp nhận, xử lý **3.099** hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp/**01** thủ tục hành chính liên thông có phát sinh hồ sơ, Sở Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết **2.890/2.890** hồ sơ đảm bảo trước và đúng hạn, đạt tỷ lệ 100%, còn **209** hồ sơ đang trong thời hạn giải quyết.

d) Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức khi để xảy ra sai sót, quá hạn trong giải quyết thủ tục hành chính: Không phát sinh.

2.4. Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

Sở Tư pháp đã chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC theo đúng quy định tại Điều 21a Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính*). Sở Tư pháp đã thực hiện rà soát, khảo sát khối lượng và xây dựng dự toán kinh phí, trình UBND tỉnh cấp bổ sung kinh phí thực hiện số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp từ ngày 01/6/2022 trở về trước; chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở tiếp tục triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính. Sở Tư pháp duy trì số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Tư pháp thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh (*thực hiện số hóa từ 01/6/2022*); UBND cấp xã thực hiện hồ sơ, kết quả giải quyết đối với 03 dịch vụ công thiết yếu đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn (*thực hiện số hóa từ 01/7/2022*) theo quy định. Thực hiện công tác Số hóa sổ hộ tịch điện tử phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu Hộ tịch điện tử toàn quốc (*giai đoạn 2021-2025*), Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-STP ngày 03/02/2023 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện số hoá sổ hộ tịch của Sở Tư pháp; Kế hoạch số 09/KH-STP ngày 10/02/2023 về thực hiện số hoá sổ hộ tịch năm 2023 và tổ

chức thực hiện, kết quả đã hoàn thành việc số hoá sổ hộ tịch đối với 29 xã, thị trấn và Phòng Tư pháp huyện Sơn Dương (đã thực hiện số hoá xong 51.573 việc hộ tịch). Đến nay đã thực hiện số hóa xong 98.214 việc hộ tịch/1.604.380 việc hộ tịch, chiếm 6,12% tổng khối lượng việc hộ tịch cần số hóa.

2.5. Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại Sở Tư pháp

Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp đã tiếp nhận **3.115** hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính¹⁹ (trong đó có 2.995/3.115 hồ sơ được tiếp nhận trực tuyến, đạt 96,2% và 120 hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích, đạt 3,8%). Đã giải quyết trước và đúng hạn **3.008/3.008** hồ sơ (trong đó có 2.906 hồ sơ tiếp nhận trong kỳ, **102** hồ sơ kỳ trước chuyển sang); trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích 1.309/3.008 hồ sơ, chiếm 43,5%, còn **209** hồ sơ lĩnh vực lý lịch tư pháp mới tiếp nhận đang trong thời hạn giải quyết. Thu phí, lệ phí **406.100.000** đồng²⁰, trong đó có 322.700.000 đồng thanh toán qua Cổng dịch vụ công quốc gia, chiếm 79,4% và 83.400.000 đồng được nộp qua tài khoản thu phí, lệ phí của Sở Tư pháp, chiếm 20,6%. Hướng dẫn, giúp đỡ công dân tạo 681 tài khoản trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

2.6. Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Không phát sinh.

2.7. Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC

Tiếp tục triển khai thực hiện thu thập phiếu đánh giá trực tiếp dành cho tổ chức, cá nhân theo Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh, đồng thời tổ chức thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đến thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh. Kết quả, trong kỳ báo cáo đã thực hiện thu thập phiếu đánh giá, khảo sát sự hài lòng đối với **468** lượt tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, 468/468 lượt khảo sát đều đánh giá "hài lòng" với chất lượng giải quyết TTHC của Sở Tư pháp, đạt 100%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 32/QĐ-STP ngày 16/02/2022 của Giám đốc Sở Tư pháp về việc thực hiện phân cấp quản lý công chức, viên chức, người lao động và quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Tư pháp trong việc thực hiện quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, Quyết định số 122/QĐ-STP ngày 14/7/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Điều 9 Quyết định số 32/QĐ-STP. Việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức của Sở Tư pháp được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4. Cải cách chế độ công vụ

¹⁹ Gồm: 3.099 hồ sơ lĩnh vực lý lịch tư pháp, 13 hồ sơ lĩnh vực công chứng; 01 hồ sơ lĩnh vực Quốc tịch, 01 hồ sơ lĩnh vực luật sư, 01 lĩnh vực tư vấn pháp luật

²⁰ Thu phí, lệ phí với 2.031 hồ sơ, gồm: 2.030 hồ sơ lĩnh vực lý lịch tư pháp, 01 hồ sơ lĩnh vực quốc tịch; có 1.068 hồ sơ lĩnh vực lý lịch tư pháp được miễn phí tương ứng với số phí là 213.600.000 đồng

- Sở Tư pháp đã bố trí công chức, người lao động các phòng, đơn vị thuộc Sở theo đúng vị trí việc làm và đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo khung năng lực theo danh mục vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt và phù hợp với biên chế được giao; các đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ chi thường xuyên tiếp tục thực hiện Đề án vị trí việc làm, phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp đã ban hành theo quy định.

- Ban hành Kế hoạch số 05/KH-STP ngày 30/01/2023 về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức Sở Tư pháp năm 2023; cử 12 lượt công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng (*Trung cấp lý luận chính trị 02 công chức, viên chức; Thanh tra viên chính 01 công chức, Chuyên viên chính 01 công chức; Chuyên viên 07 công chức, viên chức; Lãnh đạo quản lý cấp phòng 01 công chức*); đăng ký danh sách các lớp bồi dưỡng năm 2023 đối với 13 lượt công chức, viên chức.

- Sở Tư pháp thường xuyên quán triệt triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương cơ quan hành chính nhà nước các cấp; công chức, viên chức, người lao động nêu cao tinh thần trách nhiệm, chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện nhiệm vụ.

5. Cải cách tài chính công

- Sở Tư pháp tiếp tục thực hiện nghiêm quy định về quản lý tài chính - ngân sách, quy định về quản lý, sử dụng tài sản công. Ban hành theo thẩm quyền 02 Quyết định giao số lượng người làm việc và chỉ tiêu hợp đồng lao động và 09 Quyết định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 và năm 2023; tổ chức quản lý, sử dụng dự toán và quyết toán kinh phí được giao đảm bảo đúng nội dung, mục đích, đúng nguyên tắc, đúng chế độ tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hiện nay, Sở Tư pháp có 2/3 đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ về chi thường xuyên là Phòng Công chứng số 1 và Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (*đạt 100%*). Số thu của đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ trong 6 tháng đầu năm 2023: Phòng Công chứng số 1 đã thu 881.967.000 đồng/1.800.000.000 đồng, đạt 48,9% chỉ tiêu giao năm 2023, Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thu thù lao đấu giá 733.578.400 đồng/800.000.000 đồng đạt 91,7% chỉ tiêu giao năm 2023.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, triển khai Đề án 06 trong lĩnh vực tư pháp. Trong kỳ báo cáo đã ban hành 19 văn bản chỉ đạo, báo cáo triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trong lĩnh vực tư pháp.

- Tiếp tục duy trì ứng dụng có hiệu quả 15 phần mềm trong quản lý, chỉ đạo điều hành công việc và giải quyết thủ tục hành chính tại Sở Tư pháp²¹. Phối hợp với

²¹ Gồm: (1) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; (2) Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Tuyên Quang; (3) Hệ thống quản lý lịch tư pháp dùng chung; (4) Hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng và thông tin ngân chặn; (5) Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm

VNPT tổ chức Hội nghị tập huấn, triển khai phần mềm mới **Hệ thống quản lý văn bản và điều hành Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang** cho toàn thể công chức, viên chức, người lao động của Sở Tư pháp; đồng thời triển khai thực hiện thay thế phần mềm cũ từ ngày 01/01/2023; 100% văn bản đến và đi (*trừ văn bản, tài liệu mật*) được xử lý, ký số trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành Sở Tư pháp và qua môi trường mạng. Trong kỳ báo cáo đã trao đổi **11.434** lượt văn bản, tài liệu điện tử với các cơ quan, đơn vị (*gồm 5.954 văn bản đến và 5.480 văn bản đi*); 100% văn bản phát hành của Sở Tư pháp, văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh Tuyên Quang được ký số trước khi phát hành và cập nhật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật (*vbpl.vn*).

- Duy trì trang Fanpage Facebook Ngành Tư pháp, Sở Tư pháp, Nhóm Zalo để trao đổi công việc của Khối Văn phòng Sở Tư pháp và của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp cấp huyện, Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, đồng thời giải đáp, tháo gỡ vướng mắc ngay khi có phản ánh, ý kiến của cán bộ ngành tư pháp trên các trang mạng nêu trên.

- Sở Tư pháp đã thực hiện cung cấp 78 dịch vụ công trực tuyến toàn trình/122 dịch vụ công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp (chiếm 63,9%), còn 44/122 dịch vụ công không đủ điều kiện cung cấp toàn trình theo quy định (*chiếm 36,07%*). Trong kỳ báo cáo đã có **04/122** dịch vụ công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp có phát sinh hồ sơ, trong đó có 03 dịch vụ công trực tuyến toàn trình/04 dịch vụ công có phát sinh hồ sơ (*chiếm 75%*), có 01 dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực công chứng phát sinh 01 hồ sơ hiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần²² (*chiếm 25%*).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Sở Tư pháp đã tích cực chủ động tham mưu với UBND tỉnh thực hiện cải cách thể chế, cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Lãnh đạo Sở Tư pháp đã sát sao, quyết liệt chỉ đạo triển khai công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp. Kết quả trên tất cả lĩnh vực công tác cải cách hành chính đều đạt hiệu quả tích cực. Chất lượng công các cải cách thủ tục hành chính ngày càng được nâng cao. Thực hiện nghiêm túc việc cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân. Chủ động, tích cực trong việc tham mưu triển khai thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW. Thường xuyên quán triệt triển khai thực hiện nghiêm Chi thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ *về tăng cường kỷ luật, kỷ cương cơ quan hành chính nhà nước các cấp*; công chức, viên chức, người lao động nêu cao tinh thần trách nhiệm, chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện nhiệm vụ. Quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp tiết kiệm,

pháp luật tỉnh Tuyên Quang thuộc cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật; (6) Phần mềm quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý; (7) Hệ thống thông tin quản lý hộ tịch; (8) Phần mềm công cụ quản lý hồ sơ quốc tịch cho Sở Tư pháp; (9) Phần mềm thống kê Ngành Tư pháp; (10) Hệ thống phần mềm quản lý thông tin đầu giá tài sản; (11) Phần mềm quản lý thông tin công chứng viên và tổ chức hành nghề công chứng; (12) Hệ thống phần mềm quản lý chứng thực tỉnh Tuyên Quang; (13) Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tuyên Quang; (14) Phần mềm Kế toán Misa; (15) Phần mềm dịch vụ cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến.

²² Dịch vụ Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng công chứng

hiệu quả. Triệt để ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành giải quyết các thủ tục hành chính và các công việc của cơ quan, của ngành.

2. Khó khăn, vướng mắc

2.1. Ngày 30/3/2023, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 2084/VPCP-KSTT về việc thực hiện quy trình liên thông điện tử đối với 02 nhóm thủ tục hành chính thiết yếu tại Đề án 06, trong đó đã hướng dẫn việc kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh với Phần mềm dịch vụ công liên thông và tổ chức triển khai thực hiện liên thông điện tử đối với hai nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng. Ngày 31/3/2023, UBND tỉnh đã có Văn bản số 1274/UBND-THCBKS chỉ đạo Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kết nối Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh với Phần mềm dịch vụ công liên thông và tổ chức triển khai thực hiện liên thông điện tử đối với hai nhóm thủ tục hành chính nêu trên. Ngày 12/6/2023, Công an tỉnh đã ban hành Văn bản số 3720/CAT về việc phối hợp kết nối, triển khai thực hiện 02 dịch vụ công liên thông thiết yếu thuộc Đề án 06. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại hai nhóm thủ tục hành chính này vẫn chưa được triển khai thực hiện liên thông điện tử theo quy định.

2.2. UBND tỉnh chưa cấp kinh phí thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực của Sở Tư pháp từ ngày 01/7/2022 trở về trước; kinh phí cấp cho công tác số hóa Sổ hộ tịch điện tử hàng năm còn ít so với tổng kinh phí cần thiết để thực hiện số hóa Sổ hộ tịch điện tử trên địa bàn tỉnh (*năm 2021, 2022 được cấp 500 triệu đồng/năm, năm 2023 được cấp 3 tỷ đồng*) dẫn đến khó đảm bảo được tiến độ thực hiện đã đề ra theo Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh.

2.3. Trang thiết bị đảm bảo cho việc triển khai thực hiện số hóa hồ sơ; tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; chứng thực bản sao điện tử từ bản chính tại Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã còn thiếu, đa số các trang thiết bị đều đã cũ, cấu hình yếu không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, việc bổ sung trang thiết bị cho Phòng Tư pháp và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã còn chậm, hiện còn **17** xã, thị trấn thuộc huyện Sơn Dương và Chiêm Hoá chưa được trang bị máy quét (*máy scan*)²³.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp, Sở Tư pháp đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương triển khai thực hiện 02 thủ tục liên thông có liên quan đến lĩnh vực tư pháp về Dịch vụ đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế và dịch vụ đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng trợ cấp mai táng phí.

²³ Gồm: Bình Nhân, Bình Phú, Hà Lang, Hoà An, Hùng Mỹ, Kiên Đài, Linh Phú, Nhân Lý, Ngọc Hội, Phú Bình, Tân An, Tân Mỹ, Trung Hà, Vinh Quang, Yên Lập (Chiêm Hoá); Thị trấn Sơn Dương, Cấp Tiến (Sơn Dương);

2. Tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí cho Sở Tư pháp triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp và thực hiện số hóa Sổ hộ tịch điện tử đảm bảo tiến độ đã đề tại Kế hoạch số 110/KH- UBND ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh.

3. Tiếp tục chỉ đạo UBND huyện, thành phố quan tâm, bố trí trang thiết bị phục vụ số hóa hồ sơ; tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC; cung cấp dịch vụ công trực tuyến; chứng thực bản sao điện tử từ bản chính cho Phòng Tư pháp và đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Tiếp tục quán triệt, tuyên truyền phổ biến kịp thời đến công chức, viên chức, người lao động cơ quan, đơn vị các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh liên quan đến việc thực hiện cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính; triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh ban hành Đề án đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Tích cực tham mưu UBND tỉnh trong thực hiện cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật gắn với phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật; xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tư pháp; thường xuyên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thẩm định và tham gia ý kiến vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo kịp thời, có chất lượng, loại bỏ những quy định, thủ tục hành chính không phù hợp.

3. Tích cực đẩy mạnh triển khai có hiệu quả chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; tổ chức cung cấp có hiệu quả dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền. Duy trì thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực tư pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi tìm hiểu và thực hiện thủ tục hành chính. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản lý điều hành và hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan.

Sở Tư pháp trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Nội vụ;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, VP. N.H.Hương.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược

UBND TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STP ngày tháng 6 năm 2023 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác Chỉ đạo điều hành CCHC	Văn bản		
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	34	
1.2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	16	Trong kỳ báo cáo có 75 nhiệm vụ được đề ra theo Kế hoạch, trong đó có 55/75 nhiệm vụ được thực hiện thường xuyên; 16/75 nhiệm có thời hạn thực hiện
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	16	Đã hoàn thành đúng hạn 14/16 nhiệm vụ có thời hạn thực hiện (02 nhiệm vụ chưa đến hạn thực hiện)
1.3.	Kiểm tra CCHC			
1.3.1	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	07	
1.3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
1.3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>quyền của Sở Nội vụ)</i>			
1.4.1	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	-	
1.4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	-	
1.5	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
1.5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	158	
1.5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	156	Có 02 nhiệm vụ chưa đến hạn, Sở Tư pháp đang tham mưu triển khai thực hiện
1.5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
1.6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
1.6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1.796	
1.6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
1.7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
2	Cải cách thể chế	Văn bản	Văn bản	
2.1	Tổng số VBQPPL ban hành	Văn bản	21	
2.1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	11	02 Nghị quyết, 09 Quyết định
2.1.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	10	10 Quyết định
2.1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	10	10 Quyết định do UBND cấp huyện ban hành
2.2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100%	10/10 văn bản đều có nội dung phù hợp

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
2.3	Rà soát VBQPPL			
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	414	
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
2.3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	2	
2.3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	2	
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị	Thủ tục	195	
3.1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	122	Trong đó có 122 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 33 TTHC cấp huyện, 40 TTHC cấp xã (có 09 TTHC dùng chung giữa 3 cấp, cụ thể: 04 TTHC dùng chung 3 cấp tỉnh, huyện, xã; 02 TTHC dùng chung cấp tỉnh, huyện; 03 TTHC dùng chung cấp huyện, xã)
3.1.4.2	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	33	
3.1.4.3	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	40	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	6	
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	18	
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	3.008	
3.3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	3.008	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	-	
3.3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	-	
3.3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
4	Cải cách tổ chức bộ máy			
4.1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
4.1.1	Sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
4.1.2	UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	-	
4.1.3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	-	
4.1.4	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	-	
4.1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)	Cơ quan, đơn vị	3	
4.1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	3	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	0	
4.2	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	24	Không bao gồm người lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	21	
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	03	03 người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
4.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	14,3	
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	17	Không bao gồm người lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	17	
4.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	7,1	
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
5.1.2	Đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	3	
5.1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
5.2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
5.4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
5.4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
5.4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
6	Cải cách tài chính công			
6.1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	0	Sở Tư pháp không được giao Kế hoạch đầu tư công năm 2023
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	0	
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		0	
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập	Đơn vị	3	
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	2	
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
6.2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
7	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	1	
7.3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100%	
7.4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	-	
7.5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
7.5.1.1	Sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.5.1.2	UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%		
7.5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	100% văn bản phát hành đi của Sở Tư pháp được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử, sử dụng chữ ký số, chứng thư số và trên môi trường điện tử (trừ các Văn bản, tài liệu bắt buộc phải gửi kèm bản giấy theo quy định tại Văn bản số 873/UBND-NC ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục văn bản điện tử không kèm bản giấy)
7.5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%		
7.5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%		
7.5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.5.3.1	Sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.5.3.2	UBND cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
7.6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	100	
7.6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	78	
7.6.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	78	
7.6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	08	
7.6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
7.6.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình của địa phương	Thủ tục	78	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.6.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	78	
7.6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến toàn trình (Chỉ thống kê đối với các TTHC toàn trình có phát sinh hồ sơ)	%	99,9	
7.6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả toàn trình và một phần)	Hồ sơ	3.115	
7.6.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến toàn trình	Hồ sơ	3.114	
7.6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
7.6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	45	
7.6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	45	

UBND TỈNH TUYỀN QUANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 03

THỐNG KÊ CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STP ngày tháng 6 năm 2023 của Sở Tư pháp)

STT	TÊN LOẠI VĂN BẢN	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY, THÁNG, NĂM BAN HÀNH	NỘI DUNG TRÍCH YẾU VĂN BẢN	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	GHI CHÚ
I	VĂN BẢN DO SỞ TƯ PHÁP THAM MƯU BAN HÀNH					
1	Kế hoạch	243/KH-UBND	31/12/2022	Kế hoạch công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang năm 2023	Sở Tư pháp	
2	Quyết định	50/QĐ-UBND	30/01/2023	Quyết định công bố danh mục 57 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm 2022	Sở Tư pháp	
3	Kế hoạch	16/KH-UBND	30/01/2023	Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyền Quang năm 2023	Sở Tư pháp	
II	VĂN BẢN DO SỞ TƯ PHÁP BAN HÀNH					
1	Quyết định	17/QĐ-STP	16/01/2023	Kế hoạch tự kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính của Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	
2	Quyết định	18/QĐ-STP	18/01/2023	Kế hoạch truyền thông về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa	Sở Tư pháp	

STT	TÊN LOẠI VĂN BẢN	SỐ KÝ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY, THÁNG, NĂM BAN HÀNH	NỘI DUNG TRÍCH YẾU VĂN BẢN	CƠ QUAN BAN HÀNH VĂN BẢN	GHI CHÚ
				liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang		
3	Quyết định	20/QĐ-STP	19/01/2023	Kế hoạch tự kiểm tra công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Sở Tư pháp	
4	Quyết định	21/QĐ-STP	19/01/2023	Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của Sở Tư pháp	Sở Tư pháp	
5	Quyết định	22/QĐ-STP	19/01/2023	Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang	Sở Tư pháp	

UBND TỈNH TUYẾN QUANG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 06

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
THUỘC LĨNH VỰC PHỤ TRÁCH CỦA SỞ TƯ PHÁP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023**
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STP ngày tháng 6 năm 2023 của Sở Tư pháp)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	21	
1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	11	02 Nghị quyết, 09 Quyết định
1.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	10	10 Quyết định
1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	02	10 Quyết định do UBND huyện ban hành
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100%	Qua kiểm tra 10/10 văn bản đều có nội dung phù hợp
2.3	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.4	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	414	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
3.3	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	02	
3.4	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	02	